

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1881 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao và điều chỉnh kế hoạch đầu tư**  
**đã giao chi tiết vốn ngân sách nhà nước năm 2021**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao và điều chỉnh kế hoạch đầu tư đã giao chi tiết vốn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư đã giao chi tiết vốn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao và điều chỉnh kế hoạch đầu tư đã giao chi tiết vốn ngân sách nhà nước năm 2021 cho một số dự án tại Phụ lục I (vốn nước ngoài dự án ODA) và Phụ lục II (vốn trong nước).

**Điều 2.** Các các chủ đầu tư, ban quản lý dự án

1. Khẩn trương triển khai kế hoạch, đặc biệt là công tác phân khai dự toán chi (TABMIS); giải ngân ngay cho các dự án theo mức vốn kế hoạch được giao.

2. Rà soát chặt chẽ, thanh toán đúng quy định pháp luật đối với các chi phí phát sinh, đặc biệt chịu toàn bộ trách nhiệm rà soát đúng quy định pháp luật đối với các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Đối với các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 chỉ giao vốn và thanh toán sau khi báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2021 theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ trưởng về tính chính xác các thông tin, số liệu và kết quả giải ngân của các dự án được giao quản lý.

**Điều 3.** Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Đối tác công - tư, Tài chính; Cục trưởng Cục quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Thủ trưởng các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*B*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, KHĐT TOANND.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Thế**

**Phụ lục II**  
**GIAO VÀ ĐIỀU CHỈNH GIAO THÔNG VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG NĂM 2021**

(Phân bổ vốn theo Quyết định số: /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2021)



Danh mục dự án	Chủ đầu tư, Ban QLDA	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư hoặc Quyết định duyệt dự toán CBĐT			Kế hoạch vốn NSTW năm 2021 đã được giao chi tiết	Giao và điều chỉnh kế hoạch vốn NSTW năm 2021	Kế hoạch vốn NSTW năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
<b>Tổng số</b>							<b>6.736.481</b>	<b>23.760</b>	<b>6.760.241</b>	Giao hết số 23,76 tỷ đồng còn lại của KH2021 được TTgCP giao
							<b>5.195.236</b>	<b>-432.628</b>	<b>4.762.608</b>	
	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	Quảng Trị - Thừa Thiên Huế	2019-2021	1710/QĐ-BGTVT 31/8/2020	7.669.307	7.669.307	2.720.000	-203.688	2.516.312	Điều chỉnh giảm kế hoạch so với Quyết định số 553/QĐ-BGTVT ngày 09/4/2021
	Ban QLDA 2	Hải phòng	2014-2017	1482/QĐ-BGTVT 03/8/2020	11.849.195	1.800.372	86.236	-28.940	57.296	Điều chỉnh giảm kế hoạch so với Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2020
	Ban QLDA 7	Bình Thuận	2019-2022	1467/QĐ-BGTVT 30/7/2020	10.853.900	10.853.900	2.389.000	-200.000	2.189.000	Điều chỉnh giảm kế hoạch so với Quyết định số 1638/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2021
							<b>1.541.245</b>	<b>456.388</b>	<b>1.997.633</b>	
	Sở GTVT Cao Bằng	Cao Bằng		1626/QĐ-BGTVT 06/9/2021	603.771	603.771		18.530	18.530	Giao kế hoạch để trả nợ đọng XDCB trước 01/01/2015
	Sở GTVT Cao Bằng	Cao Bằng		1614/QĐ-BGTVT 01/9/2021	91.308	91.308		1.718	1.718	Giao kế hoạch để trả nợ đọng XDCB trước 01/01/2015
đoạn Km0-Km36 và xử lý sụt trượt do bão , tỉnh Nghệ An	Tổng cục ĐBVN/Ban QLDA4	Nghệ An	2022-2024	1338/QĐ-BGTVT 20/7/2021	1.300.300	1.300.300		1.500	1.500	Giao kế hoạch để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư Dự án
	Ban QLDA Mỹ Thuận	Tiền Giang, Bến Tre	2021-2025	1730/QĐ-BGTVT 29/9/2021	5.175.127	5.175.127	5.000	25.800	30.800	Điều chỉnh tăng kế hoạch so với Quyết định số 553/QĐ-BGTVT ngày 09/4/2021
	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	Khánh Hòa	2022-2024	2351/QĐ-BGTVT 31/10/2018	7.615.000	7.615.000	336.000	180.700	516.700	Điều chỉnh tăng kế hoạch so với Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2020
	Ban QLCDA Đường thủy	Khu vực đồng bằng Bắc bộ	2008-2022	2329/QĐ-BGTVT 13/12/2019	6.866.025	6.866.025	40.000	25.000	65.000	Điều chỉnh tăng kế hoạch so với Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2020
	Ban QLDA 7	Tiền Giang và Vĩnh Long	2019-2023	2199/QĐ-BGTVT 10/10/2018	5.003.064	5.003.064	1.150.000	200.000	1.350.000	Điều chỉnh tăng kế hoạch so với Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2020
	Ban QLDA 2	Các tỉnh Tây Nguyên	2020-2023	982/QĐ-BGTVT 22/5/2019	3.654.440	86.790	10.245	3.140	13.385	Điều chỉnh tăng kế hoạch so với Quyết định số 2542/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2020